



AAC AUDITING AND ACCOUNTING CO., LTD
A member of PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 37



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/12/2025 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường An Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028.8554 645 - 028.8553 118
- Fax: (84) 028.8564 307
- Website: www.stb.com.vn

Lĩnh vực kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Cho thuê văn phòng;
- ...

Công ty có 3 đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 – Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh).
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh).

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	L.vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông	780 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục	52,77%

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 215 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 13 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|------------|--|
| • Ông Từ Trung Đan | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 17/04/2025 |
| • Ông Nguyễn Chí Bính | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
Miễn nhiệm ngày 17/04/2025 |
| • Ông Nguyễn Văn Cung | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2025 |
| • Ông Phan Kế Thái | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2025 |
| • Ông Nguyễn Công Dũng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2025 |
| • Ông Mai Tấn Phát | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2025 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
Miễn nhiệm ngày 17/04/2025 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|--|
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 17/04/2025 |
| • Bà Bùi Thị Ánh Tuyết | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020
Miễn nhiệm ngày 17/04/2025 |
| • Bà Đào Thị Thanh Thủy | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2025 |
| • Ông Lê Huy Tân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2025 |
| • Bà Nguyễn Thị Nhớ | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
Miễn nhiệm ngày 17/04/2025 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|------------------------|---------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Công Dũng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 17/04/2025 |
| • Ông Từ Trung Đan | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

		Miễn nhiệm ngày 17/04/2025
• Bà Đỗ Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2025
• Ông Mai Tấn Phát	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2025
• Ông Phan Xuân Hiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 11/07/2024
		Miễn nhiệm ngày 11/07/2025
• Bà Lê Thị Thanh Thiện	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 29/09/2025
• Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2025
		Miễn nhiệm ngày 16/07/2025
• Bà Võ Thị Ngọc Hoanh	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 16/07/2025
		Miễn nhiệm ngày 29/09/2025

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218, Đường 30/4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Sự kiện phát sinh trong năm ảnh hưởng đến tình hình Công ty

Ngày 26/12/2025, Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định 3588/QĐ-BGDĐT về việc lựa chọn bộ sách giáo khoa “Kết nối tri thức với cuộc sống” làm bộ sách giáo khoa sử dụng thống nhất toàn quốc kể từ năm học 2026-2027. Chủ trương này ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ của các bộ sách giáo khoa khác và ấn phẩm có liên quan do không còn được sử dụng rộng rãi như bộ sách chính khóa mà chỉ được xem là sách tham khảo.

Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Hội đồng để đánh giá tổn thất có thể xảy ra trước tình hình mới. Công ty xác định giá trị hàng tồn kho bị ảnh hưởng bởi sự kiện thống nhất một bộ sách giáo khoa tại 31/12/2025 là 10.436.119.519 đồng; Căn cứ kinh nghiệm thực tế trong hoạt động phát hành sách, Hội đồng đã thực hiện phân nhóm các loại sách chịu ảnh hưởng; xác định tỷ lệ trích lập dự phòng tương ứng là 40%, 70%, 100% giá trị ghi sổ đối với từng nhóm sách; tổng dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tương ứng tại 31/12/2025 là 4.760.249.609 đồng theo Quyết định số 2C/QĐ/STB ngày 02/01/2026.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Công Dũng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2026



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN-KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 224/2026/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 12/03/2026 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 7 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề được Công ty trình bày tại Thuyết minh số 2 và Thuyết minh số 12 về dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập liên quan đến sự kiện thống nhất sử dụng một bộ sách giáo khoa kể từ năm học 2026-2027 theo Quyết định 3588/QĐ-BGDĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2025-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư

số 202/2014/TT - BTC


ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		127.790.104.458	174.592.785.452
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	45.169.272.862	49.920.474.727
1. Tiền	111		39.311.970.900	6.077.376.630
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.857.301.962	43.843.098.097
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.574.861.395	12.963.405.066
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7.a	13.574.861.395	12.963.405.066
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.116.691.728	38.903.798.103
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	24.259.236.611	39.345.737.569
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	347.477.605	188.051.609
3. Các khoản phải thu khác	136	10	545.502.115	459.582.392
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.035.524.603)	(1.089.573.467)
IV. Hàng tồn kho	140	12	38.904.409.410	69.634.797.547
1. Hàng tồn kho	141		47.450.418.151	72.889.485.159
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.546.008.741)	(3.254.687.612)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.024.869.063	3.170.310.009
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15.a	1.427.498.349	1.054.239.192
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	4.597.370.714	2.116.070.817
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			42.800.453.411	39.939.018.626
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.318.596	19.318.596
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		19.318.596	19.318.596
II. Tài sản cố định	220		29.578.865.942	28.364.735.902
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	28.487.363.105	28.364.735.902
- Nguyên giá	222		77.958.115.884	74.820.116.749
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.470.752.779)	(46.455.380.847)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.091.502.837	-
- Nguyên giá	228		2.232.056.498	696.540.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.140.553.661)	(696.540.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		700.000.000	1.799.008.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	700.000.000	1.799.008.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		490.000.000	490.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7.b	490.000.000	490.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.012.268.873	9.265.956.128
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15.b	12.012.268.873	9.265.956.128
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		170.590.557.869	214.531.804.078


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C. Nợ phải trả	300		32.715.481.147	75.924.527.356
I. Nợ ngắn hạn	310		32.715.481.147	75.924.527.356
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	10.563.278.338	30.804.214.949
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	544.251.954	493.987.738
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	19	1.037.747.983	2.229.880.851
4. Phải trả người lao động	314		9.831.611.141	22.516.767.446
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	1.039.547.097	914.000.590
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.403.112.500	1.759.517.500
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	569.161.346	1.092.428.211
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	-	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.726.770.788	16.113.730.071
II Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.875.076.722	138.607.276.722
I. Vốn chủ sở hữu	410		137.875.076.722	138.607.276.722
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	23	6.538.767.315	6.538.767.315
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	50.417.965.656	50.417.965.656
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	7.931.742.000	8.318.142.000
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		386.400.000	386.400.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.545.342.000	7.931.742.000
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	24	2.569.605.527	2.915.405.527
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		170.590.557.869	214.531.804.078

Tổng Giám đốc

Nguyễn Công Dũng
TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thiện

Người lập

Võ Thị Thanh Tuyền

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	398.459.686.999	490.736.703.837
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	191.663.349	419.551.011
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		398.268.023.650	490.317.152.826
4. Giá vốn hàng bán	11	28	332.119.016.065	399.949.148.128
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		<u>66.149.007.585</u>	<u>90.368.004.698</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.343.172.365	1.540.834.083
7. Chi phí tài chính	22	30	51.451.634	519.386.592
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		51.451.634	519.386.592
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	31.a	26.069.464.038	38.183.989.826
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31.b	29.897.982.994	37.123.724.592
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>11.473.281.284</u>	<u>16.081.737.771</u>
12. Thu nhập khác	31	32	679.470.561	1.003.834.925
13. Chi phí khác	32		77.420.766	84.084.945
14. Lợi nhuận khác	40		<u>602.049.795</u>	<u>919.749.980</u>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>12.075.331.079</u>	<u>17.001.487.751</u>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	1.405.478.362	2.139.214.394
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>10.669.852.717</u>	<u>14.862.273.357</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		10.617.319.756	14.315.710.348
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		52.532.961	546.563.009
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.332	1.799
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	1.332	1.799



Tổng Giám đốc

Nguyễn Công Dũng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thiện

Người lập

Võ Thị Thanh Tuyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.075.331.079	17.001.487.751
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13,14	3.459.385.593	3.217.832.919
- Các khoản dự phòng	03		5.237.272.265	(2.034.797.996)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(255.152)	(386.622)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.200.033.455)	(868.262.300)
- Chi phí lãi vay	06		51.451.634	519.386.592
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		19.623.151.964	17.835.260.344
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.393.948.263	(734.428.826)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		25.439.067.008	15.343.720.483
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(34.162.708.726)	3.263.674.457
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	15	(3.119.571.902)	103.004.366
- Tiền lãi vay đã trả	14		(51.451.634)	(519.386.592)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	19	(1.932.317.339)	(1.912.996.730)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	45.020.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(11.511.470.000)	(4.557.490.325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.678.647.634	28.866.377.177
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(3.779.002.300)	(2.194.214.287)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	14.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(611.456.329)	(10.228.052.084)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	5.375.665.104
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.244.695.978	712.981.745
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.145.762.651)	(6.318.892.249)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	6.557.640.950
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(6.557.640.950)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21,23	(8.284.342.000)	(8.276.142.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.284.342.000)	(8.276.142.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.751.457.017)	14.271.342.928
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	49.920.474.727	35.648.745.177
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		255.152	386.622
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	45.169.272.862	49.920.474.727



Tổng Giám đốc

Nguyễn Công Dũng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thiện

Người lập

Võ Thị Thanh Tuyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/12/2025 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Cho thuê văn phòng;
- ...

1.3. Cấu trúc Doanh nghiệp

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập bao gồm Công ty mẹ và 01 Công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Thông tin về tái cấu trúc Công ty: Trong kỳ, Công ty không tái cấu trúc.

Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học phổ thông.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 52,77%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. Sự kiện ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 26/12/2025, Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định 3588/QĐ-BGDĐT về việc lựa chọn bộ sách giáo khoa “Kết nối tri thức với cuộc sống” làm bộ sách giáo khoa sử dụng thống nhất toàn quốc kể từ năm học 2026-2027. Chủ trương này ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ của các bộ sách giáo khoa khác và ấn phẩm có liên quan do không còn được sử dụng rộng rãi như bộ sách chính khóa mà chỉ được xem là sách tham khảo.

3. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

4. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

5.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

5.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

5.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

5.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

5.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

5.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

5.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

5.10 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

5.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

5.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

5.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước;

5.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

5.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

5.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

5.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

5.20 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

5.21 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5.22 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác, thiết bị văn phòng và dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ

Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty CP Giáo dục An Đông

Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi nêu trên thể hiện tại mục II và mục III Phần H Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn luật thuế TNDN.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Mỗi quan hệ là bên liên quan cũng hình thành giữa 02 Công ty cùng chịu sự kiểm soát chung của tập đoàn hoặc giữa 02 Công ty cùng chịu ảnh hưởng đáng kể bởi 01 cá nhân (là cổ đông/nhóm cổ đông/người lãnh đạo).

Đơn vị tính: VND

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt	125.770.587	413.913.721
Tiền gửi ngân hàng	39.186.200.313	5.663.462.909
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	5.857.301.962	43.843.098.097
Cộng	45.169.272.862	49.920.474.727

7. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	13.574.861.395	13.574.861.395	12.963.405.066	12.963.405.066
Cộng	13.574.861.395	13.574.861.395	12.963.405.066	12.963.405.066

Tại thời điểm 31/12/2025, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025				01/01/2025	
	Tỷ lệ vốn, quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	4,77%	49.000	490.000.000	-	490.000.000	-
Cộng			490.000.000	-	490.000.000	-

Công ty đã nhận được Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định với vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng. Ngoài ra, cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

8. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH TM DV Hồng Hà	5.583.608.183	-
Các đối tượng khác	18.675.628.428	39.345.737.569
Cộng	24.259.236.611	39.345.737.569

Trong đó: Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty mẹ	32.040.370	530.095.538
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty mẹ	-	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty mẹ	700.001.975	583.759.534
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty mẹ	-	177.266.453
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo dục	Chung công ty mẹ	-	14.185.387

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Đo đạc Thiết kế Xây dựng Phú Thiện	79.073.280	79.073.280
Công ty CP Sách Cánh Diều Miền Nam	137.575.805	-
Công ty TNHH Du lịch và Hợp tác Quốc tế UNI	47.700.000	-
Các đối tượng khác	83.128.520	108.978.329
Cộng	347.477.605	188.051.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	199.764.545	-	244.427.068	-
Tạm ứng	256.875.984	-	163.838.114	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24.333.049	-	14.333.049	-
Phải thu khác	64.528.537	-	36.984.161	-
Cộng	545.502.115	-	459.582.392	-

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2025	Năm 2024
Số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi đầu kỳ	(1.089.573.467)	(950.749.153)
Dự phòng trích trong kỳ	-	(138.824.314)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	54.048.864	-
Số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối kỳ	(1.035.524.603)	(1.089.573.467)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.691.136.508	(612.998.870)	9.193.256.213	(347.995.926)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.086.835.514	-	3.241.849.131	-
Thành phẩm	10.409.439.600	(1.364.410.048)	11.500.719.181	(1.320.713.396)
Hàng hóa	28.263.006.529	(6.568.599.823)	48.953.660.634	(1.585.978.290)
Cộng	47.450.418.151	(8.546.008.741)	72.889.485.159	(3.254.687.612)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2, kể từ năm học 2026–2027, bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” sẽ là bộ sách giáo khoa duy nhất được sử dụng toàn quốc. Các bộ sách khác và ấn phẩm có liên quan sẽ bị ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ do được xem là sách tham khảo, học liệu bổ trợ. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Hội đồng để đánh giá tổn thất có thể xảy ra trước tình hình mới. Công ty xác định giá trị hàng tồn kho bị ảnh hưởng bởi sự kiện thống nhất một bộ sách giáo khoa tại 31/12/2025 là 10.436.119.519 đồng; Căn cứ kinh nghiệm thực tế trong hoạt động phát hành sách, Hội đồng đã thực hiện phân nhóm các loại sách chịu ảnh hưởng; xác định tỷ lệ trích lập dự phòng tương ứng là 40%, 70%, 100% giá trị ghi sổ đối với từng nhóm sách; tổng dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tương ứng tại 31/12/2025 là 4.760.249.609 đồng theo Quyết định số 2C/QĐ-STB ngày 02/01/2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Bên cạnh việc lập dự phòng đối với các loại sách bị ảnh hưởng bởi sự kiện thống nhất 01 bộ sách giáo khoa kể từ năm 2025-2026, tại ngày 31/12/2025 Công ty cũng đã lập dự phòng cho các mặt hàng tồn kho khác do chậm tiêu thụ, lạc hậu với tổng số tiền 3.675.866.767 đồng.
- Tại thời điểm 31/12/2025, không có hàng tồn kho đem cầm cố, thế chấp các khoản nợ phải trả.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	46.475.522.384	13.861.029.179	12.149.175.195	2.334.389.991	74.820.116.749
Tăng trong năm	421.544.000	-	1.435.817.818	1.280.637.317	3.137.999.135
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	46.897.066.384	13.861.029.179	13.584.993.013	3.615.027.308	77.958.115.884
Khấu hao					
Số đầu năm	21.679.975.545	12.959.298.359	10.106.981.098	1.709.125.845	46.455.380.847
Tăng trong năm	1.231.582.711	656.784.667	893.192.615	233.811.939	3.015.371.932
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	22.911.558.256	13.616.083.026	11.000.173.713	1.942.937.784	49.470.752.779
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	24.795.546.839	901.730.820	2.042.194.097	625.264.146	28.364.735.902
Số cuối năm	23.985.508.128	244.946.153	2.584.819.300	1.672.089.524	28.487.363.105

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản nợ tại ngày 31/12/2025 là 12.587.843.313 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 26.272.691.016 đồng.

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán	Phần mềm Website	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	666.540.000	30.000.000	696.540.000
Mua trong năm	1.535.516.498	-	1.535.516.498
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	2.202.056.498	30.000.000	2.232.056.498
Khấu hao			
Số đầu năm	666.540.000	30.000.000	696.540.000
Khấu hao trong năm	444.013.661	-	444.013.661
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.110.553.661	30.000.000	1.140.553.661
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	1.091.502.837	-	1.091.502.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 696.540.000 đồng.

15. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	41.581.051	47.164.397
Chi phí ngoại khóa (An Đông)	242.133.332	300.499.999
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	646.921.677	154.139.019
Chi phí trả trước khác	496.862.289	552.435.777
Cộng	1.427.498.349	1.054.239.192

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.194.289.044	418.301.580
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	4.577.043.950	2.328.887.449
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	5.872.200.627	6.061.626.459
Chi phí trả trước dài hạn khác	368.735.252	457.140.640
Cộng	12.012.268.873	9.265.956.128

(*) Thuê 20.606 m2 đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055. Toàn bộ quyền sử dụng đất thuê và tài sản gắn liền trên đất được cầm cố, đảm bảo nợ vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương- CN Bình Tây.

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
Phần mềm Bravo	-	1.099.008.000
Tư vấn pháp lý quyền sử dụng đất tại 223 Nguyễn Tri Phương	700.000.000	700.000.000
Cộng	700.000.000	1.799.008.000

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất nhập khẩu Thuận Phát	1.095.480.760	5.126.984.876
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Bảo Linh	1.098.613.012	4.923.567.056
Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi	1.052.113.284	2.700.308.849
Các đối tượng khác	7.317.071.282	18.053.354.168
Cộng	10.563.278.338	30.804.214.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2025	01/01/2025
NXB Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ	-	1.023.220.879
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư	8.778.350	-

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công Ty TNHH Công nghệ Đại Dương Việt	373.635.469	-
Các đối tượng khác	170.616.485	493.987.738
Cộng	544.251.954	493.987.738

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu			Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	1.364.182.021	-	4.338.430.803	4.689.600.316	1.013.012.508	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	448.083.533	-	1.405.478.362	1.932.317.339	-	78.755.444
Thuế thu nhập cá nhân	417.615.297	-	3.988.768.330	4.381.648.152	24.735.475	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.114.070.817	5.962.405.094	8.364.949.547	-	4.516.615.270
Các loại thuế khác	-	2.000.000	10.000.000	10.000.000	-	2.000.000
Cộng	2.229.880.851	2.116.070.817	15.705.082.589	19.378.515.354	1.037.747.983	4.597.370.714

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Trích trước chi phí bán hàng	906.248.351	781.576.389
Chi phí phải trả khác	133.298.746	132.424.201
Cộng	1.039.547.097	914.000.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	181.400	8.500.830
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.636.900	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	166.500.000	171.500.000
Cổ tức phải trả	15.337.557	22.137.557
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	261.437.000	690.904.500
Phải trả khác	123.068.489	199.385.324
Cộng	569.161.346	1.092.428.211

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	-	15.575.757.337	15.575.757.337	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 5	-	15.575.757.337	15.575.757.337	-
Cộng	-	15.575.757.337	15.575.757.337	-

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 5 thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 056/2025 – HĐCVHM/NHCT920-08-STB ngày 29/07/2025 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 – 2026. Hạn mức cho vay của Hợp đồng tại mọi thời điểm không vượt quá 30.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức được tính từ ngày 29/07/2025 đến ngày 28/07/2026. Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay được xác định theo từng giấy nhận nợ và có giá trị tại thời điểm giải ngân do đến khi có sự điều chỉnh lãi suất.

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND
Số tại 01/01/2024	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	48.155.058.205	8.318.142.000
Tăng trong năm	-	-	-	2.262.907.451	14.915.231.685
Giảm trong năm	-	-	-	-	14.915.231.685
Số tại 31/12/2024	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	50.417.965.656	8.318.142.000
Số tại 01/01/2025	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	50.417.965.656	8.318.142.000
Tăng trong năm	-	-	-	-	10.617.319.756
Giảm trong năm	-	-	-	-	11.003.719.756
Số tại 31/12/2025	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	50.417.965.656	7.931.742.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	8.318.142.000	8.318.142.000
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	10.617.319.756	14.315.710.348
Phân phối lợi nhuận	11.003.719.756	14.315.710.348
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	7.931.742.000	7.931.742.000
+ Chia cổ tức	7.931.742.000	7.931.742.000
- Phân phối lợi nhuận năm nay (**)	3.071.977.756	6.383.968.348
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.262.907.451
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.524.726.808	3.416.492.098
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	547.250.948	704.568.799
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	7.931.742.000	8.318.142.000

(*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 17/04/2025.

(**) Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/NQ-HĐQT ngày 09/02/2026.

24. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát đầu kỳ	2.915.405.527	2.871.680.487
Điều chỉnh LICĐTS năm trước	-	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tăng trong kỳ	52.532.961	546.563.009
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát giảm trong kỳ	398.332.961	502.837.969
- Giảm do chia cổ tức	345.800.000	345.800.000
- Giảm do trích quỹ KTPL	52.532.961	157.037.969
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày cuối kỳ	2.569.605.527	2.915.405.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền gửi ngân hàng (USD)	324,62	324,62

b. Nợ phải thu khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền học phí phải thu học sinh	153.403.000	153.403.000
Công ty CP Công nghệ Gamma	62.376.301	62.376.301
Công ty TNHH Kỹ Nguyên Hồng	57.024.362	57.024.362
Công ty CP Đầu tư Phát triển và Hỗ trợ Giáo dục Việt Nam	54.936.048	54.936.048
Công ty CP Media Việt Nam	25.061.999	25.061.999
Công ty CP Thiết bị Giáo dục VN - EDUVN - Hà Nội	22.962.485	22.962.485
Cộng	375.764.195	375.764.195

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	196.397.706.708	274.030.557.163
Doanh thu thiết bị giáo dục	173.454.221.874	183.366.032.027
Doanh thu hoạt động dạy học	26.108.509.606	30.790.656.218
Doanh thu khác	2.499.248.811	2.549.458.429
Cộng	398.459.686.999	490.736.703.837

27. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2025	Năm 2024
Hàng bán bị trả lại	191.663.349	419.551.011
- Sách và sản phẩm in	40.060.328	118.949.913
- Thiết bị giáo dục	151.603.021	300.601.098
	191.663.349	419.551.011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

28. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn sách và sản phẩm in	182.497.261.001	251.820.526.176
Giá vốn thiết bị giáo dục	123.577.357.560	126.119.422.209
Giá vốn hoạt động dạy học	18.283.954.470	20.644.223.653
Giá vốn khác	2.469.121.905	3.538.598.400
Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.291.321.129	(2.173.622.310)
Cộng	332.119.016.065	399.949.148.128

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi	1.141.233.455	789.835.027
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	58.800.000	63.700.000
Chiết khấu thanh toán nhận được	142.883.758	686.912.434
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	255.152	386.622
Cộng	1.343.172.365	1.540.834.083

30. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí lãi vay	51.451.634	519.386.592
Cộng	51.451.634	519.386.592

31. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2025	Năm 2024
Tiền lương, các khoản trích theo lương	16.884.097.759	22.901.460.503
Khấu hao tài sản cố định	419.599.141	423.057.970
Chi phí vận chuyển	3.110.555.859	3.539.135.149
Các khoản khác	5.655.211.279	11.320.336.204
Cộng	26.069.464.038	38.183.989.826

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2025	Năm 2024
Tiền lương, trích theo lương	16.085.419.142	22.967.571.592
Khấu hao tài sản cố định	1.681.679.125	1.044.781.474
Các khoản khác	12.130.884.727	13.111.371.526
Cộng	29.897.982.994	37.123.724.592

32. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	15.086.234	30.553.575
Cho thuê mặt bằng	491.000.000	735.181.823
Các khoản khác	173.384.327	238.099.527
Cộng	679.470.561	1.003.834.925

33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.075.331.079	17.001.487.751
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	10.986.745.912	14.207.422.845
- Hoạt động khác không được ưu đãi	1.088.585.167	2.794.064.906
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	605.958.676	615.165.366
- Các khoản điều chỉnh tăng	665.013.828	679.251.988
+ Chi phí không được trừ	665.013.828	679.251.988
- Các khoản điều chỉnh giảm	59.055.152	64.086.622
+ Cổ tức được chia	58.800.000	63.700.000
+ Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	255.152	386.622
Tổng thu nhập chịu thuế	12.681.289.755	17.616.653.117
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	11.307.795.904	14.371.570.156
- Hoạt động khác không được ưu đãi	1.373.493.851	3.245.082.961
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.405.478.362	2.086.173.608
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	1.130.779.591	1.437.157.016
- Hoạt động khác không được ưu đãi	274.698.771	649.016.592
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.405.478.362	2.139.214.394
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.405.478.362	2.086.173.608
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	53.040.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.617.319.756	14.315.710.348
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(3.071.977.756)	(4.121.060.897)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	3.071.977.756	4.121.060.897
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.545.342.000	10.194.649.451
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.665.530	5.665.530
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	1.332	1.799

35. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.671.993.205	21.709.378.381
Chi phí nhân công	55.335.058.385	69.100.594.465
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.459.385.593	3.217.832.919
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.491.173.096	25.832.131.072
Chi phí khác	12.167.889.571	14.431.091.820
Cộng	114.125.499.850	134.291.028.657

36. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Năm 2025	Hoạt động đầy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và đ.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	26.108.509.606	173.454.221.874	198.896.955.519	398.459.686.999
Các khoản giảm trừ	-	151.603.021	40.060.328	191.663.349
Giá vốn hàng bán	18.283.954.470	123.959.844.074	189.875.217.521	332.119.016.065
Chi phí bán hàng	-	22.054.895.308	4.014.568.730	26.069.464.038
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.442.592.389	18.997.371.337	3.458.019.268	29.897.982.994
Chi phí lãi vay thuần	(137.046.289)	(811.765.907)	(140.969.625)	(1.089.781.821)
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	192.884.000	9.054.910	201.938.910
Thu nhập khác	-	11.872.485	667.598.076	679.470.561
Chi phí khác	-	-	77.420.766	77.420.766
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết	-	-	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>519.009.036</u>	<u>9.307.030.526</u>	<u>2.249.291.517</u>	<u>12.075.331.079</u>
Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2025				
Phải thu của khách hàng	903.308.465	21.392.751.820	927.651.723	23.223.712.008
Hàng tồn kho	448.405.535	29.522.750.915	8.933.252.960	38.904.409.410
Tài sản cố định hữu hình	-	-	-	29.578.865.942
- Tài sản cố định HH của bộ phận	966.588.290	13.020.143.667	61.941.521	14.048.673.478
+ Nguyên giá	2.747.878.460	39.866.216.131	403.400.000	43.017.494.591
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(1.781.290.170)	(26.846.072.464)	(341.458.479)	(28.968.821.113)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	15.530.192.464
+ Nguyên giá	-	-	-	37.172.677.791
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(21.642.485.327)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	78.883.570.509
Tổng Tài sản				<u>170.590.557.869</u>
Phải trả người bán	491.514.685	7.924.442.105	2.147.321.548	10.563.278.338
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	22.152.202.809
Tổng Nợ phải trả				<u>32.715.481.147</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Năm 2024	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	30.790.656.218	183.366.032.027	276.580.015.592	490.736.703.837
Các khoản giảm trừ	-	300.601.098	118.949.913	419.551.011
Giá vốn hàng bán	20.644.223.653	124.415.764.560	254.889.159.915	399.949.148.128
Chi phí bán hàng	-	27.916.160.259	10.267.829.567	38.183.989.826
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.926.323.361	20.615.005.798	7.582.395.433	37.123.724.592
Chi phí lãi vay thuần	(116.804.415)	(470.047.204)	316.403.184	(270.448.435)
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	76.049.289	674.949.767	750.999.056
Thu nhập khác	-	28.238.062	975.596.863	1.003.834.925
Chi phí khác	-	-	84.084.945	84.084.945
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết	-	-	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>1.336.913.619</u>	<u>10.692.834.867</u>	<u>4.971.739.265</u>	<u>17.001.487.751</u>

Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2024

Phải thu của khách hàng	1.045.263.672	36.549.351.760	661.548.670	38.256.164.102
Hàng tồn kho	456.493.847	47.667.853.222	21.510.450.478	69.634.797.547
Tài sản cố định				28.364.735.902
- Tài sản cố định HH của bộ phận	1.219.274.618	13.994.351.252	154.206.286	15.367.832.156
+ Nguyên giá	2.747.878.460	39.782.459.633	403.400.000	42.933.738.093
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(1.528.603.842)	(25.788.108.381)	(249.193.714)	(27.565.905.937)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	12.996.903.746
+ Nguyên giá	-	-	-	32.582.918.656
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(19.586.014.910)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	78.276.106.527
Tổng Tài sản				<u>214.531.804.078</u>
Phải trả người bán	339.949.400	27.173.363.225	3.290.902.324	30.804.214.949
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	45.120.312.407
Tổng Nợ phải trả				<u>75.924.527.356</u>

37. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Công ty thường phát sinh nợ vay nhỏ, mang tính chất tạm thời, thời gian thanh toán nợ ngắn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền gửi ngân hàng (USD)	324,62	324,62

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Công ty có hai hoạt động chính là phát hành sách và cung cấp dịch vụ dạy học. Khách hàng trong hoạt động phát hành sách chủ yếu là các doanh nghiệp, tổ chức trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các trường học và cơ sở đào tạo; Hoạt động dạy học tập trung vào giảng dạy cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông với việc thu học phí theo kỳ học. Với đặc thù khách hàng tương đối ổn định trong ngành giáo dục, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro này, Công ty yêu cầu khách hàng đặt cọc hoặc thanh toán trước khi nhận hàng và kiểm soát chặt chẽ việc thu học phí theo từng kỳ học.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>31/12/2025</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	10.563.278.338	-	10.563.278.338
Chi phí phải trả	1.039.547.097	-	1.039.547.097
Phải trả khác	566.343.046	-	566.343.046
Cộng	12.169.168.481	-	12.169.168.481
<u>01/01/2025</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	30.804.214.949	-	30.804.214.949
Chi phí phải trả	914.000.590	-	914.000.590
Phải trả khác	1.083.927.381	-	1.083.927.381
Cộng	32.802.142.920	-	32.802.142.920

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không rủi ro thanh khoản và tin tưởng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2025</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và khoản tương đương tiền	45.169.272.862	-	45.169.272.862
Phải thu khách hàng	23.223.712.008	-	23.223.712.008
Đầu tư tài chính	13.574.861.395	490.000.000	14.064.861.395
Phải thu khác	288.626.131	19.318.596	307.944.727
Cộng	82.256.472.396	509.318.596	82.765.790.992
<u>01/01/2025</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và khoản tương đương tiền	49.920.474.727	-	49.920.474.727
Phải thu khách hàng	38.256.164.102	-	38.256.164.102
Đầu tư tài chính	12.963.405.066	490.000.000	13.453.405.066
Phải thu khác	295.744.278	19.318.596	315.062.874
Cộng	101.435.788.173	509.318.596	101.945.106.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

38. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2025, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 2490/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 24/03/2016 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m² đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời gian thuê: 50 năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.606 m² đất ở KCN Sóng Thần 3, Phường Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m² đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời hạn thuê đất là ngắn hạn (hàng năm) cho đến khi có dự án đầu tư xây dựng trường học;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m² đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường An Đông, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m² đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm; Thời hạn thuê: 50 năm.

39. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ
NXB Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty mẹ
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty mẹ
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Chung công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Nội dung	Năm 2025	Năm 2024
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Phí nhãn hiệu	51.504.818	51.504.818
NXB Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phí quản lý, tem, khác	-	1.018.626.740
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách giáo khoa, Sách tham khảo,...	85.492.700	133.927.204
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách bài tập, Sách tham khảo, VHP,....	157.549.545.992	220.363.642.378
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Thiết bị	-	2.331.429
Bán hàng			
NXB Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Sách, thiết bị,...	26.094.330	125.507.990
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách, thiết bị,...	10.883.060.095	12.435.406.936
Công ty CP Học Liệu	Thiết bị,...	11.839.497	8.460.485
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách, thiết bị, đĩa	7.521.073.399	22.737.322.815
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Thiết bị	3.033.689.911	3.288.691.721
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Thiết bị	794.076.571	1.015.442.601
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo dục	Thiết bị	247.867	153.028.128

c. Chi phí thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải trả và tiền lương của ban Tổng Giám đốc

Chi phí Thù lao HĐQT phải trả	Chức vụ		Năm 2025	Năm 2024
Ông Từ Trung Đan	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17/04/2025	95.652.000	83.908.000
Ông Nguyễn Chí Bính	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 17/04/2025	27.836.000	125.862.100
Ông Nguyễn Công Dũng	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17/04/2025	67.816.000	-
Ông Nguyễn Văn Cung	TV HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2025	63.768.000	83.908.000
Ông Phan Kế Thái	TV HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2025	63.768.000	83.908.000
Ông Mai Tấn Phát	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17/04/2025	45.210.000	-
Ông Đỗ Thành Lâm	TV HĐQT	Miễn nhiệm ngày 17/04/2025	18.557.000	83.908.000
Cộng			382.607.000	461.494.100

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí Thù lao Ban kiểm soát phải trả	127.535.000	167.816.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tiền lương Ban Tổng Giám đốc	Chức vụ		Năm 2025	Năm 2024
Ông Nguyễn Công Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/04/2025	273.142.050	-
Ông Từ Trung Đan	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/04/2025	311.751.783	617.161.348
Bà Đỗ Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2025	431.330.194	399.134.827
Ông Phan Xuân Hiến	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/07/2025	282.235.683	453.659.512
Ông Mai Tấn Phát	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2025	412.305.954	360.312.516
Bà Lê Thị Thanh Thiện	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 29/09/2025	47.111.398	-
Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 16/07/2025	256.026.154	399.134.627
Cộng			<u>2.013.903.216</u>	<u>2.229.402.830</u>

40. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

41. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Nguyễn Công Dũng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thiện

Người lập biểu

Võ Thị Thanh Tuyền

Trụ sở chính

Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Tel : +(84-236) 3655 886
Fax: +(84-236) 3655 887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>